

Bản án số: 78/2021/HSST

Ngày: 09/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Đăng Khoa;
2. Bà Trần Thị Kim Mỹ.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

**Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp NN, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953 và bà Võ Thị B, Sinh năm 1955; Vợ: Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1989; Con: Chưa có; Tiền sự: Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 07/01/2020 của Công an xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản; Tiền án: Không; Nhân thân: Bản án số 42/2017/HSST ngày 03/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong bản án 03/4/2018); Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/9/2021 cho đến nay. (Có mặt)

\* *Bị hại:*

Ông Võ Trường T1, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Phường E, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Duy A, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Khu phố BL, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Ông Đặng Văn P, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 16/3/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc D mượn xe mô tô của đối tượng tên C (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đến nhà trọ thuộc khu phố B, phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre để vận chuyển đồ thuê. Khi đang chuyển đồ thì bị cáo D phát hiện trên kệ dép để trước cửa phòng trọ của anh Võ Trường T1 có để 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu đen nên bị cáo D nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, bị cáo D đến lấy chiếc điện thoại di động của anh T1 rồi ra xe chạy đem đến cửa hàng điện thoại A Phón ở phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, do anh Đặng Văn P làm chủ cầm lấy 800.000 đồng. Sau đó, bị cáo D bán cho Nguyễn Duy A với giá 1.000.000 đồng nên đưa giấy cầm điện thoại cho Duy A đến tiệm A Phón chuộc lại điện thoại. Sau khi chuộc được điện thoại, Duy A đưa thêm cho bị cáo D 200.000 đồng và lấy điện thoại sử dụng. Nhưng sau đó, Duy A đã bán chiếc điện thoại này cho người khác nên không thu hồi được.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 335/KL-HĐĐG ngày 26/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen, có gắn sim điện thoại 0911685186, trị giá ngày 16/3/2021 là 2.573.400 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 73/CT-VKSTPBT ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h và s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo D từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo D không có nghề nghiệp.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Ghi nhận bị cáo D đã bồi thường cho bị hại T1 số tiền 2.573.400 đồng, hiện bị hại T1 không yêu cầu gì thêm.

- Đối với Đặng Văn P khi nhận cầm điện thoại di động cho bị cáo D và Nguyễn Duy A khi mua điện thoại di động do bị cáo D bán, không biết đây là tài sản do bị cáo D phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm.

- Đối với hành vi của bị cáo D, sau khi chiếm đoạt điện thoại di động của bị hại T1, bị cáo D đã sử dụng sim điện thoại của anh T1 nhắn tin cho một số người quen của anh T1 hỏi mượn tiền và cung cấp số tài khoản của bị cáo D để những người này chuyển

tiền vào tài khoản của bị cáo D nhưng chưa ai chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo D nên không truy cứu thêm trách nhiệm hình sự bị cáo D đối với hành vi này.

Bị cáo D khai nhận vào khoảng 06 giờ ngày 16/3/2021, bị cáo mượn xe mô tô của đối tượng tên C (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đến nhà trọ thuộc khu phố B, phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre để vận chuyển đồ thuê. Khi đang chuyển đồ thì bị cáo phát hiện trên kệ dép để trước cửa phòng trọ của anh T1 có để 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 màu đen nên bị cáo đến lấy rồi ra xe chạy đem đến cửa hàng điện thoại A Phón do anh Đặng Văn P làm chủ cầm lấy 800.000 đồng. Sau đó, bị cáo bán cho Nguyễn Duy A với giá 1.000.000 đồng nên đưa giấy cầm điện thoại cho Duy A đến tiệm A Phón chuộc lại điện thoại. Sau khi chuộc được điện thoại, Duy A đưa thêm cho bị cáo D 200.000 đồng và lấy điện thoại sử dụng. Nhưng sau đó, Duy A đã bán chiếc điện thoại này cho người khác nên không thu hồi được. Bị cáo đồng ý với kết quả định giá tài sản, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo D không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 06 giờ ngày 16/3/2021, tại nhà trọ thuộc khu phố B, phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại T1 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen, có gắn sim điện thoại 0911685186, trị giá là 2.573.400 đồng.

[3] Bị cáo D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 2.573.400 đồng để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo D về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo D phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản vắng mặt để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo D có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính và đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo D được hưởng là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo theo quy định tại các điểm b, h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo D không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo D đã bồi thường cho bị hại T1 số tiền 2.573.400 đồng, hiện bị hại T1 không yêu cầu gì thêm.

[8] Đối với Đặng Văn P khi nhận cầm điện thoại di động cho bị cáo D và Nguyễn Duy A khi mua điện thoại di động do bị cáo D bán, không biết đây là tài sản do bị cáo D phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm là phù hợp.

Đối với hành vi của bị cáo D, sau khi chiếm đoạt điện thoại di động của bị hại T1, bị cáo D đã sử dụng sim điện thoại của anh T1 nhắn tin cho một số người quen của anh T1 hỏi mượn tiền và cung cấp số tài khoản của bị cáo D để những người này chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo D nhưng chưa ai chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo D nên không truy cứu thêm trách nhiệm hình sự bị cáo D đối với hành vi này là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo D phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h và s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã NT, TP BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Ngô Văn Trình**